

THỬ TÌM HIỂU LÝ DO SINH VIÊN TIẾNG ANH YẾU MÔN NGHE

AN INVESTIGATION INTO POSSIBLE REASONS
FOR WHICH STUDENTS OF ENGLISH ARE BAD AT THE LISTENING SKILL
TRẦN MINH CHƯƠNG

(ThS; Trường Đại học Quy Nhơn)

BÙI THỊ HUỖNH HOA

(ThS; Trường Đại học Quy Nhơn)

Abstract: The study, surveying 100 first-year English majors on their difficulties in listening comprehension, found that apart from objective factors like English's linguistic traits, the participants perceived to a great extent that their frequent breakdowns in listening comprehension are caused by their insufficient prior knowledge and cognitive problems identified by Goh (2000).

Key words: listening comprehension; prior knowledge; cognitive problems.

1. Mở đầu

Kĩ năng nghe tiếng Anh khi học ngôn ngữ này cực kì quan trọng cho người học. Nó không đơn thuần chỉ để giúp người học đạt điểm số cần thiết cho chương trình học mà còn được coi là một kênh thiết yếu để tiếp nhận ngôn ngữ (input), tăng thêm khả năng sử dụng ngôn ngữ (output). Hơn nữa, kĩ năng nghe tốt giúp người học tự tin hơn, có thêm động lực để đam mê hơn trong việc học ngoại ngữ, vốn phải được thực hiện lâu dài và liên tục.

Song kĩ năng nghe tiếng Anh thường được nhận định là kĩ năng khó khăn nhất cho người học, đặc biệt là học sinh Việt Nam - là đối tượng có lượng tiếp xúc hàng ngày trung bình rất thấp đối với dạng nói của ngôn ngữ này. Việc học kĩ năng nghe đối với học sinh ở Việt Nam chủ yếu diễn ra trong môi trường lớp học thuộc chương trình chung của Bộ GD&ĐT, nơi thường là giáo viên và bạn học chung đều là người Việt.

Hơn nữa, mặc dù những năm gần đây Bộ GD&ĐT đã có nhiều nỗ lực thay đổi chương trình khung môn tiếng Anh trong hệ thống các trường phổ thông theo định hướng giao tiếp, thế nhưng với thời lượng được phân bổ mỗi năm cho môn tiếng Anh ở bậc PTTH là chưa đến 90 tiết (tương đương khoảng 65 giờ thực học). Trong đó thời gian dành cho môn nghe chưa đến 1/5 thời lượng này. Cùng với điều kiện vật chất tương đối thiếu thốn và sĩ số lớp

đông ở phần lớn các trường học ở nước ta thì cũng không quá khó hiểu khi học sinh theo đuổi ngành tiếng Anh ở bậc cao đẳng, đại học khó có thể có được kĩ năng nghe tốt.

Ngoài những lí do khách quan nêu trên, chúng tôi giả thuyết rằng sinh viên còn gặp khó khăn khi nghe tiếng Anh ở bậc đại học còn do những yếu tố chủ quan của người học. Một trong số đó, theo quan điểm của của Byrnes (1984) và Brown (1990), là khối lượng kiến thức nền của sinh viên. Quan trọng hơn, nghiên cứu của Goh (2000), dựa trên mô hình của Anderson (1995), cũng chỉ ra rằng khi khả năng ngoại ngữ không được phát triển từ nhỏ, cũng dễ hiểu khi sinh viên - đang ở độ tuổi ngoài thiếu niên - gặp một số vấn đề về khả năng tri nhận khi tiếp thụ ngôn ngữ nói.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kĩ năng nghe khi học ngoại ngữ, trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực này. Tuy nhiên trong điều kiện và ngữ cảnh của Việt Nam chưa thật sự có nhiều nghiên cứu chuyên sâu tìm hiểu những trở ngại của người học Việt Nam khi tiếp thụ kĩ năng quan trọng này. Bài báo này là kết quả của một nghiên cứu về những trở ngại khi học môn nghe liên quan đến kiến thức nền và khả năng tri nhận trên đối tượng là sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh năm thứ nhất tại Trường Đại học Quy Nhơn, nhằm bổ sung vào số lượng nghiên cứu trong lĩnh vực này, đồng thời đóng góp vào

kho hiểu biết của người làm công tác giảng dạy bộ môn này.

2. Một số nghiên cứu liên quan

Nghe hiểu (listening comprehension) không đơn thuần là nhận biết dấu hiệu ngôn ngữ do người nói phát ra. Byrnes (1984) cho rằng nghe hiểu cần được hiểu là “*một hoạt động giải quyết vấn đề cực kì phức tạp*” (tr.318), hay có thể nói nó là một kĩ năng động có liên quan đến nhiều khía cạnh. Cùng đề cập đến bản chất phức tạp của kĩ năng nghe hiểu, Brown (1990) cho rằng đề có thể hiểu được một thông điệp nói, người nghe cần phải đồng thời xử lí được nhiều thông tin như ngữ âm, âm vị, ngữ điệu (prosodic), ngữ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa và cá ngữ dụng. Nếu xử lí và vận dụng được những thông tin này, việc nghe hiểu sẽ diễn ra; song cũng chính vì thế nó làm cho quá trình nghe hiểu vốn “*phức tạp, năng động*” này “*dễ đổ gậy*” nếu như một trong các thông tin này không được đáp ứng.

Việc dạy kĩ năng nghe trước đây chủ yếu tập trung vào việc nhận diện sự khu biệt ngữ âm, nghe lấy thông tin chi tiết hoặc/và lấy đại ý. Đến giữa thế kỉ trước, quan điểm về nghe hiểu vẫn theo hướng *quy trình từ dưới lên* (bottom-up approach). Quan điểm này cho rằng việc nghe hiểu được hình thành từng bước từ sự nhận dạng được các âm và cú pháp câu. Chính vì vậy cách tiếp cận này còn được gọi là quy trình “*hiểu nhờ văn bản*” (text-driven comprehension). Tuy nhiên đến những thập niên sau của thế kỉ 20, quan điểm nghe hiểu là *quy trình từ trên xuống* (top-down approach) dần chiếm ưu thế. Quan điểm này cho rằng người nghe cần phải kết hợp giữa văn bản, ngữ cảnh, đồng thời với tri thức nền (prior knowledge) mới có thể nắm bắt được nội dung nghe. Sự dịch chuyển đến quan điểm này chịu ảnh hưởng của nhiều nghiên cứu tâm lí học, cho rằng các tri thức được tích lũy sẽ giúp người nghe hiểu được những tình huống mới cũng như nội dung lạ. Cốt lõi của quan điểm này là vai trò của bộ tri thức (schemata), chính là tập hợp có liên kết những tri thức liên quan đến sự kiện, tình huống, hoặc vật thể trong quy trình từ trên xuống. Xuất phát từ quan điểm đề

cao vai trò của tri thức nền này, giáo học pháp ngoại ngữ luôn khuyến khích quy trình dạy kĩ nghe bao gồm ba giai đoạn: *trước khi nghe, trong khi nghe, và sau nghe* (Nunan, 1997). Cấu trúc bài giảng có giai đoạn trước khi nghe này giúp tạo nên một lượng tri thức có liên quan đến bài nghe cho người học.

Xem xét sâu hơn quá trình nghe hiểu, nhà tâm lí học tri nhận Anderson (1995) cho rằng quá trình này không xảy ra một chiều. Ông đưa ra ba giai đoạn của quá trình tiếp thụ ngôn ngữ luôn giao thoa và tuần hoàn trong não bộ: *tiếp nhận xử lí* (perceptual processing), *phân tách câu, từ* (parsing), và *ứng dụng* (utilization). Đối với quá trình nghe, giai đoạn tiếp nhận xử lí là việc phân tách các âm vị trong một chuỗi âm liên tục, sau đó được lưu vào vùng nhớ tạm (echoic memory). Trong giai đoạn phân tích, các từ được chuyển hóa thành một dạng thức trừu tượng (mental presentation) là sự kết hợp nghĩa của những từ này. Điều này xảy ra khi phát ngôn được phân tách thành những thành phần cú pháp hoặc những gợi ý về nghĩa. Các mảnh phân tách này tái tạo lại thành dạng thức trừu tượng phản ánh phát ngôn được nghe, kết hợp với kiến thức nền có sẵn và sau đó được lưu trong bộ nhớ dài hạn, hình thành nên bộ tri thức trong giai đoạn thứ ba, ứng dụng. Ở giai đoạn này người nghe sử dụng thêm một số tham chiếu khác để hoàn thành quy trình hiểu nội dung, tiếp đến sử dụng để đáp lại người đang đối thoại.

Ba giai đoạn của quá trình nghe hiểu này phản ánh mức độ xử lí khác nhau, bắt đầu bằng xử lí tiếp nhận. Tuy vậy cần lưu ý là cả ba giai đoạn đều diễn ra giao thoa và tuần hoàn, và có thể diễn ra đồng thời khi nghe. Nói cách khác, chúng “*thường xảy ra theo trình tự thời gian, nhưng đồng thời giao thoa với nhau; người nghe có khi đang xử lí phần trước của phát ngôn đồng thời đã tiếp nhận phần sau*” (Anderson, 1995, tr. 379).

Vận dụng mô hình này, Goh (2000) đã nhận diện được 10 vấn đề liên quan đến khả năng tri nhận khi nghiên cứu trên đối tượng là

Bảng 1: Các vấn đề về khả năng tri nhận đối với người học tiếng Anh và các vấn đề phổ biến nhất (Goh, 2000, tr.59)

Tiếp nhận xử lí (P)	Phân tích câu, từ (Pa)	Ứng dụng (U)
- Không nhận diện được từ đã biết (2) - Bỏ qua phần tiếp theo khi đang nghĩ về nghĩa của phần trước (4) - Không thể phân tích các chuỗi âm trong lời nói - Bỏ qua phần đầu của bài nghe - Quá tập trung hoặc không thể tập trung	- Quên mất phần vừa nghe (1) - Không trừu tượng hóa được các từ vừa nghe (5) - Không thể hiểu được các phần sau vì những vấn đề trước đó	- Hiểu các từ nhưng không hiểu được ý của thông điệp (3) - Bị rối trí với các ý chính của thông điệp

Trên cơ sở tổng hợp một số nghiên cứu liên quan đến khó khăn của sinh viên tiếng Anh trong khi nghe hiểu, chúng tôi nhận thấy cần thiết phải tìm hiểu sâu hơn sự ảnh hưởng của kiến thức nền và khả năng tri nhận của sinh viên trên khả năng nghe hiểu tiếng Anh của họ.

3. Quy trình nghiên cứu

Công cụ chính để thực hiện khảo sát là một bảng câu hỏi. Việc lấy dữ liệu được thực hiện trên hai lớp sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh đang học học phần Nghe 1 theo hệ tín chỉ tại Trường Đại học Quy Nhơn, gồm 100 sinh viên. Sau khi được sự cho phép của giảng viên đứng lớp, chúng tôi phổ biến nội dung nghiên cứu và bảng câu hỏi khảo sát cho sinh viên.

Phần đầu gồm các câu hỏi khảo sát thông tin cá nhân và về việc học môn nghe của sinh viên. Phần chính là khảo sát mức độ thường xuyên sinh viên gặp phải các vấn đề như đã nêu trong Mục 2. Phần này gồm có 11 câu diễn đạt các vấn đề, yêu cầu sinh viên chọn một trong 4 mức độ: “Rất thường xuyên”, “Thường xuyên”, “Thỉnh thoảng”, và “Hiếm khi”.

Bảng 2: Tần suất sinh viên nhận định thiếu hụt kiến thức nền

Vấn đề	Mean	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi
Bạn thấy khó hiểu nội dung vì không quen với chủ đề bài nói	1,28	13%	26%	37%	24%

* Mean (trị số trung bình)

Thông kê trong Bảng 2 cho thấy sinh viên tự cho rằng kiến thức nền là một yếu tố quan trọng khiến họ gặp vấn đề khi nghe. Hơn ¾ số

học viên tiếng Anh, được thể hiện trong Bảng 1, trong đó có 5 vấn đề thường gặp nhất xảy ra trong cả 3 giai đoạn.

Đưa trên phương pháp thống kê Likert, 0 điểm được tính cho mỗi trả lời là “Hiếm khi”, tương tự 1 cho “Thỉnh thoảng”, 2 cho “Thường xuyên”, và 3 cho “Rất thường xuyên”.

Để tăng thêm độ tin cậy của bảng khảo sát, chúng tôi đã đưa thêm vào các câu diễn đạt liên quan đến đặc thù ngôn ngữ đích là tiếng Anh, ví dụ như *tốc độ nói*, *yếu tố nuốt âm*, hay *lời nói không rõ ràng*, v.v.. Các câu diễn đạt bằng tiếng Anh kèm theo lời dịch để đảm bảo sinh viên hiểu trọn vẹn nội dung; các câu cũng được đảo vị trí ngẫu nhiên. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi chỉ trình bày kết quả khảo sát có liên quan đến các vấn đề về kiến thức nền và khả năng tri nhận của sinh viên.

Điểm tính cho tần suất của mỗi vấn đề là trị số trung bình (Mean) là trung bình của số điểm từ các trả lời. Đồng thời, tỉ lệ phần trăm cho mỗi vấn đề cũng được tính để có cái nhìn rõ hơn về sự phân bố các mức độ thường xuyên.

4. Kết quả

4.1. Kiến thức nền

sinh viên được hỏi ít nhất “thỉnh thoảng” gặp vấn đề khi nghe hiểu vì không quen với nội dung bài nghe, trong đó có đến gần 40% “rất

thường xuyên” hoặc “thường xuyên” gặp phải vấn đề này. Rõ ràng đây là một trở ngại khá nghiêm trọng, vì chẳng hạn như sinh viên nghe về chủ đề “sự ích lợi của máy tính” sẽ dễ dàng hơn nghe về “các công nghệ trong máy tính” v.v.. Một bài nói có nội dung không quen thuộc cũng sẽ chứa nhiều từ vựng cũng như khái niệm mới đối với người nghe. Do đó, việc tìm hiểu về những lĩnh vực khác nhau chẳng những giúp người học có được lượng từ vựng phong phú mà còn giúp làm giàu thêm tri thức nền, một phần không thể thiếu của bộ tri thức cần cho quá trình nghe hiểu.

4.2. Khả năng tri nhận

Bảng 3: Tần suất sinh viên nhận định gặp vấn đề về khả năng tri nhận (%)

Vấn đề	Mean	RTX	TX	TT	HK
Không nhận diện được từ đã biết (P)	1,97	23	55	18	4
Không thể phân tách các chuỗi âm trong lời nói (P)	1,91	23	54	14	9
Hiểu các từ nhưng không hiểu được ý của thông điệp (U)	1,8	15	59	17	9
Bỏ qua phần tiếp theo khi đang nghĩ về nghĩa của phần trước (P)	1,79	20	50	19	11
Bị rối trí với các ý chính của thông điệp (U)	1,69	20	43	23	14
Bỏ qua phần đầu của bài nghe (P)	1,5	10	45	30	15
Quên mất phần vừa nghe (Pa)	1,49	15	37	30	18
Không hiểu được các phần sau do những vấn đề trước đó (Pa)	1,45	9	47	24	20
Không trừu tượng hóa được các từ vừa nghe (Pa)	1,35	9	39	30	22
Quá tập trung hoặc không thể tập trung (P)	1,14	9	27	33	31

* (P) Vấn đề tiếp nhận xử lý; (Pa) Vấn đề phân tách từ, câu; (U) Vấn đề ứng dụng

** Mean (trị số trung bình); RTX (Rất thường xuyên); TX (Thường xuyên); TT (Thỉnh thoảng); HK (Hiếm khi)

Việc không nhận dạng được từ đã biết vốn được biết là khá phổ biến đối với người Việt học tiếng Anh. Sở dĩ có vấn đề này có lẽ là do cách dạy và học từ vựng ở bậc phổ thông, theo xu hướng được dạy và học từ riêng lẻ hơn là trong ngữ cảnh, dẫn đến học sinh có ít cơ hội thể thực hành những từ đã học, để chuyển thành vốn từ vựng động. Do đó không quá khó hiểu khi sinh viên nghe được từ có vẻ quen nhưng vẫn không nhận ra. Tương tự là trường hợp sinh viên không thể phân tách chuỗi từ hay ngữ. Điều này gây rất nhiều khó khăn khi nghe, đặc biệt là đặc thù tiếng Anh có hiện tượng nối âm. Bỏ qua phần tiếp theo do đang

4.2.1. Các vấn đề tiếp nhận xử lý

Trên phương diện tri nhận, nghiên cứu của Goh nhận thấy 5 vấn đề tri nhận phổ biến nhất trong 10 vấn đề được phát hiện (thể hiện trong Bảng 1). Dữ liệu trong nghiên cứu của chúng tôi (Bảng 3) cho thấy sinh viên cũng nhận thấy họ đều gặp phải các vấn đề về tri nhận, dù ở mức độ khác nhau. Tuy nhiên các vấn đề thuộc giai đoạn tiếp nhận xử lý phổ biến hơn cả. Điển hình như *Không nhận dạng được từ đã biết* (M=1,97), *Không thể phân tách các chuỗi âm* (M=1,91), *Bỏ qua phần tiếp theo* (M=1,79), hay *Bỏ qua phần đầu của bài nghe* (M=1,5) đều nằm ở nhóm đầu của các vấn đề.

dừng lại để suy nghĩ về từ một vài từ lạ hay hiểu một đoạn như thế nào cũng là một vấn đề phổ biến. Đây là vấn đề về khả năng chú ý vốn ảnh hưởng trực tiếp lên lượng ngôn ngữ tiếp thụ để xử lý. Tương tự, khi sinh viên nghe rất rõ câu thứ nhất và đang nghĩ về nghĩa của nó thì câu sau lại tới. Để lỡ phần đầu của bài nghe cũng là một vấn đề hay gặp đối với sinh viên. Khi bị xao nhãng lúc khởi đầu sẽ rất khó khăn để theo kịp phần còn lại. Điều này dễ xảy ra khi có các yếu tố gây xao nhãng xuất hiện, ví dụ như khi bài nghe vừa mới bắt đầu thì có người bên cạnh nói chuyện gì đó, dẫn đến mất tập trung và không theo kịp.

4.2.2. Các vấn đề phân tách từ, câu

Điều ngạc nhiên là, sinh viên dường như ít gặp các vấn đề tri nhận trong giai đoạn phân tách từ, câu. Tất cả các vấn đề này đều nằm ở gần cuối Bảng 3. Kết quả này khác biệt với phát hiện của Goh, đơn cử như vấn đề *Nhanh chóng quên mất phần vừa nghe* được Goh phát hiện là một trong những vấn đề phổ biến nhất (Bảng 2). Tuy vậy cũng có tới gần 50% số sinh viên khảo sát “thường xuyên” hoặc “rất thường xuyên” gặp phải vấn đề này. Theo giải thích của Goh, việc dễ dàng quên đi điều vừa nghe có lẽ là do sinh viên gặp vấn đề trong trí nhớ ngắn hạn.

4.2.3. Các vấn đề về ứng dụng

Hai vấn đề thuộc giai đoạn ứng dụng lại là thuộc nhóm phổ biến nhất đối với đối tượng sinh viên được khảo sát. Trong đó, *Hiếu từ nhưng không hiểu được ý* ($M=1,8$) phổ biến hơn với gần 75% sinh viên “thường xuyên” hoặc “rất thường xuyên” gặp phải. Vấn đề này liên quan đến khả năng vận dụng các tham chiếu phù hợp để hiểu được nội dung, vậy nên đôi khi sinh viên hiểu được nghĩa đen của phát ngôn nhưng vẫn không hiểu được hàm ý. Vấn đề thuộc giai đoạn ứng dụng thứ hai là *Rối trí với các ý chính của thông điệp* ($M=1,69$) cũng là một vấn đề thường gặp. Mặc dù sinh viên có thể phân tách được một số phần của ngôn ngữ tiếp nhận cũng không thể nắm được cái nào quan trọng hơn cái nào. Điều này dẫn đến việc sinh viên không thể sử dụng được thông tin nghe được do không chắc điều nghe được có sử dụng được hay không.

5. Lời kết

Qua khảo sát cho thấy sinh viên nhận thức được việc thiếu hụt kiến thức nền và tất cả các vấn đề liên quan đến khả năng tri nhận, dù ở mức độ khác nhau, gây ảnh hưởng rất lớn đến việc hiểu văn bản nói trong quá trình học kỹ năng nghe tiếng Anh của họ. Nắm bắt được những vấn đề của người học để có phương pháp phù hợp giúp sinh viên tiến bộ là việc hết sức cần thiết đối với giảng viên bộ môn này.

Đối với việc thiếu hụt kiến thức nền, ngoài việc thực hiện bài giảng theo 3 giai đoạn, chúng tôi cho rằng giảng viên cần khuyến

khích, thậm chí bắt buộc, sinh viên tìm tòi đọc thêm để mở rộng kiến thức bản thân. Sinh viên cần phải nhận thức được rằng học ngoại ngữ không chỉ đơn thuần về mặt ngôn ngữ thuần túy, nó còn bao gồm nhiều phương diện có liên quan để thúc đẩy quá trình đắc thủ ngôn ngữ.

Mặc dù đã có rất nhiều những đề xuất từ các học giả như dạy người học cách phát âm chuẩn và sử dụng ngữ cảnh để đoán nghĩa (Brown, 1990) hay giúp người học làm quen với phát ngôn nhanh tự nhiên và dạy thật kỹ các chiến lược nghe (Field, 1998), xu hướng mới trong dạy kỹ năng nghe hiểu là giải quyết những vấn đề cụ thể mà người học gặp phải. Do đó, đối với những vấn đề tri nhận của sinh viên, cần phải có những bài luyện tập thật cụ thể kèm với chương trình chính trên lớp nhằm giúp sinh viên khắc phục dần những vấn đề này (Goh, 2000). Đơn cử một số bài tập như cho sinh viên nghe kỹ cách phát âm của từ mới học hoặc yêu cầu viết lại những từ khóa của một đoạn phát ngôn ngắn để rèn sinh viên khắc phục vấn đề tiếp tục xử lý. Ngoài ra có thể dạy sinh viên chiến lược suy luận như đoán phát ngôn khuyết dựa vào ngữ cảnh và kiến thức nền, hoặc liên hệ một đoạn phát ngôn với một đoạn khác. Tập trung chú ý đến các biểu thị diễn ngôn (discourse markers) hoặc ngữ điệu và ngắt nghỉ cũng là những bài tập bổ ích để khắc phục các vấn đề về khả năng tri nhận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anderson, J.R. (1995), *Cognitive psychology and its implications*, 4th ed. Freeman: New York.
2. Brown, G. (1990), *Listening to spoken English*, 2nd ed. Longman: UK.
3. Byrnes, H. (1984), *The role of listening comprehension: A theoretical base*. Foreign Language Annals, 17, 317-329.
4. Field, J. (1998), *Skills and strategies: Towards a new methodology for listening*. ELT Journal, 52, 110-118.
5. Goh, C.M.C. (2000), *A cognitive perspective on language learners' listening comprehension problems*. System, 28, 55-75.
6. Oxford, R. (1993), *Research update on teaching listening*. System, 21, 205-211.